TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-PT
Ngày 29 - 02 - 2024
"V/v Tranh chấp lối đi chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thuý Mai.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, về việc *Tranh chấp lối đi chung*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn ĐL, xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường Lương Văn C, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn Gi, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn ĐL, xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ Vũ Văn K, sinh năm 1939, (vắng mặt).

3.2. Cụ Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1937, (vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

3.4. Cháu Vũ Thị Th, sinh năm 2004, (vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn ĐL, xã TN, huyện YL, Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Gi và bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Quang Th1, sinh năm 1985; Địa chỉ: TDP 3 Đoài, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

5. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 01/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày 29/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Văn Ch có thửa đất thổ cư thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 01, diện tích 176m^2 tại thôn ĐL, xã TN, huyện YL. Nguồn gốc thửa đất này là gia đình ông Ch mua của gia đình ông Gi từ những năm trước, mua với diện tích là 176m^2. Khi mua có thủ tục mua bán chuyển nhượng, tuy nhiên hiện nay ông Ch không còn lưu giữ tài liệu về việc mua bán này. Sau khi mua đến năm 1992, gia đình ông Ch đã tiến hành làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nên ngày 05/12/1992 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện YL cấp GCNQSDĐ số B911142 mang tên Nguyễn Văn Ch với diện tích là 176m^2. Để tiện cho việc đi lại, sau khi được cấp GCNQSDĐ, gia đình ông Ch đã tự nguyện để lại một phần đất giáp đường trục thôn, một phần đất giáp danh với đất ông Gi (ngõ vào nhà ông Nh) nằm trong GCNQSDĐ của ông Ch làm ngõ đi chung cho các hộ gia đình, diện tích cụ thể bao nhiêu ông Ch cũng không đo đạc, sau khi tự nguyện để lối đi chung gia đình ông Ch đã xây tường bao loan xung quanh thửa đất. Lợi dụng việc gia đình ông Ch đi làm ăn xa, không ở trên đất, gia đình ông Gi đã sử dụng một phần đất mà gia đình ông Ch để lại làm lối đi chung, cụ thể tại phần đất giáp đường trục thôn của thửa đất số 290, gia đình ông Gi đã xây dựng 01 lán để xe ô tô, mái lợp tôn và tại vị trí giáp đất nhà ông Gi (đường vào nhà ông Nh), gia đình ông Gi đã tự ý quây gạch xung quanh trên lợp mái phloximăng để sử dụng làm nơi chăn nuôi, do đó ông Ch khởi kiện yêu cầu ông Gi phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích để trả lại lối đi chung.

Tại phiên tòa ngày 03/10/2023, ông Ch yêu cầu ông Gi phải tháo dỡ công trình trên phần diện tích đất đã lấn chiếm để trả lại đất, vì ông Ch cho rằng toàn bộ diện tích mà ông Ch tự nguyện để ra làm lối đi chung, khi tự nguyện để ra không có văn bản gì đồng thời cũng chưa có văn bản pháp lý nào thừa nhận việc này, tổng diện tích đất khoảng 29m^2.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của bà H là ông Nguyễn Quang Th1 trình bày:

Gia đình ông Gi có thửa đất thổ cư số 234, tờ bản đồ số 15, diện tích 123m^2 tại thôn ĐL, xã TN, huyện YL. Thửa đất đã được UBND huyện YL cấp GCNQSDĐ mang tên ông Vũ Văn Gi, ngày 12/5/2016. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông Gi tặng cho. Quá trình sử dụng đất gia đình ông Gi đã cải tạo khai hoang thêm một phần đất giáp với đường bê tông liên xã. Năm 2019 ông Gi đã làm 01 lán tôn trên diện tích đất này với mục đích để xe ô tô của gia đình, diện tích lán khoảng 30m^2. Ông Gi khẳng định phần lán này không ảnh hưởng, không lấn chiếm đến phần lối đi chung của các hộ xung quanh.

Đối với diện tích đất của gia đình ông Ch nguồn gốc là do gia đình ông Gi chuyển nhượng lại cho mẹ đẻ ông Ch. Khi mua bán hai bên có đo diện tích, tuy nhiên do thời gian chuyển nhượng đã lâu nên không lưu giữ được hồ sơ chuyển nhượng mua bán. Sau khi mua bán đất, gia đình ông Ch đã sử dụng đất ổn định thể hiện bằng các mốc giới xung quanh là tường xây gạch do gia đình ông Ch tự xây từ khoảng năm 1994, sau khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Gi, do đó không có việc ông Ch để lại diện tích tại phần tiếp giáp với nhà xe của gia đình ông Gi để làm lối đi chung và ông Ch cho rằng diện tích đất này nằm trong GCNQSDĐ của ông Ch.

Nay ông Ch khởi kiện cho rằng ông Gi đã làm lán sử dụng trên một phần đất mà ông Ch để ra làm ngõ đi chung và yêu cầu ông Gi phải tháo dỡ công trình trên đất để lại đất ông Gi hoàn toàn không nhất trí. Đối với diện tích đất đường vào nhà ông Nh hiện nay ông Gi đang quây gạch nuôi gà, xác định đây là ngõ đi chung, (phần đất này do ông Ch tự nguyện để một phần làm ngõ đi chung) nên nhất trí tháo dỡ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Vũ Văn K, cụ Nguyễn Thị Ch1 và cháu Vũ Thị Th thống nhất trình bày: Gia đình cụ K có diện tích 405m^2 tại thửa đất 290, tờ bản đồ 01 thuộc thôn ĐL, xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, nguồn gốc là của cha ông để lại. Khoảng năm 1988 gia đình có chuyển nhượng cho gia đình ông Ch 145m^2, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông Ch đã xây tường bao loan, nhà, sân gạch. Năm 1992 gia đình ông Ch được cấp GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn Ch. Kể từ đó hai bên đều sử dụng ổn định không có sự tranh chấp, năm 2019, ông Gi đã xây dựng lán để xe trên phần đất gia đình khai hoang tiếp giáp với đường giao thông liên thôn của xã, khi ông Gi xây ông Ch không có ý kiến gì. Nay ông Ch khởi kiện cho rằng ông Gi xây dựng trên đất của lối đi chung là không đúng, vì ông Gi làm lán hoàn toàn trên phần đất gia đình đã khai hoang và sử dụng ổn định nhiều năm, việc sử dụng này không ảnh hưởng đến diện tích đất của lối đi chung mà gia đình ông Ch đang khởi kiện.

Đối với diện tích đất đường vào nhà ông Nh, diện tích đất này do gia đình ông Ch tự nguyện để lại một phần đất làm lối đi chung, do gia đình ông Nh hiện nay đi làm ăn không ở nhà nên ông Gi đang quây gạch nuôi gà, xác định đây là ngõ đi chung nên nhất trí tháo dỡ.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 175, 176 và 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và Điêu 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch. Buộc ông Vũ Văn Gi phải tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng trên phần diện tích đất 6,9m² có các chỉ giới 8, 9, 20, 21, 22, 8 và phần diện tích 10,8m^2 có các chỉ giới 15, 16, 24, 23, 15 xác định là diện tích đất trong lối đi chung tọa lạc tại thôn ĐL, xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, *(có sơ đồ chi tiết kèm theo).*

Buộc ông Vũ Văn Gi phải trả lại khoảng không Gin của lối đi chung đã quy hoạch và cấm mọi hành gây vi cản trở việc đi lại của các hộ dân có đất liền kề với lối đi chung này.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/10/2023, bà Lê Thị Thu H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch và buộc ông Gi phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng mà ông Gi đã nộp trước đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1; áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án số 31/2023/DS-ST ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà H1 được làm trong hạn luật định; đơn hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ông Ch cho rằng ông Gi đã lấn chiếm phần đất mà gia đình ông Ch để lại làm lối đi chung diện tích khoảng 29m^2 và yêu cầu bị đơn ông Gi phải tháo dỡ các công trình trên phần diện tích đất đã lấn chiếm để trả lại đất, do đó trong trường hợp này cần xác định đây là tranh chấp lối đi chung, nên Hội đồng xét xử sẽ xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp.

[1.2]. Tại cấp phúc thẩm vắng mặt cụ Vũ Văn K, cụ Nguyễn Thị Ch1 và cháu Vũ Thị Th nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt cụ K, cụ Chung và cháu Thủy.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về nguồn gốc đất của ông Ch, các bên đương sự đều thừa nhận là do ông Ch nhận chuyển nhượng của gia đình ông Gi vào khoảng năm 1988. Ông Gi cho rằng gia đình ông nhận chuyển nhượng diện tích là 176m^2, trong khi đó bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng chỉ chuyển nhượng

diện tích là 145m^2. Khi mua bán các bên có làm thủ tục giấy tờ, nhưng hiện nay không còn lưu giữ được tài liệu gì liên quan đến việc chuyển nhượng này. Qua thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND xã TN, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện YL, Văn phòng đăng ký đất đai huyện YL cũng không còn lưu giữ tài liệu gì liên quan đến việc mua bán chuyển nhượng đất giữa gia đình nguyên đơn và gia đình bị đơn.

[3.2]. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông Ch sử dụng ổn định, đến ngày 05/12/1992 được cấp GCNQSDĐ mang tên là Nguyễn Văn Ch, với diện tích 176m^2, tờ bản đồ số 01, số thửa 290 tại thôn ĐL, xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc. Đối với diện tích đất của gia đình ông Gi sau khi chuyển nhượng cho ông Ch, năm 2003 đã làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ mang tên chủ hộ Vũ Văn K với diện tích 123m^2, tờ bản đồ số 01, số thửa 290. Đến năm 2015, cụ K, cụ Chung có tặng cho ông Gi, sau khi được tặng cho đến ngày 12/5/2016, ông Gi được nhà nước cấp GCNQSDĐ.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện, thửa đất số thửa 290 của gia đình ông Ch có diện tích là 145,4m^2 (thiếu 30,6m^2 bao gồm cả diện tích để ra làm lối đi chung); diện tích đất vẫn đang là lối đi chung là 11m^2 giới hạn các mốc 7, 8, 22, 23, 24, 25, 7. Diện tích đất đang tranh chấp tại vị trí giáp đường trục thôn là 15,9m^2, giới hạn các mốc 8, 9, 10, 19, 20, 21, 22, 8, trên diện tích đất này có một phần lán lợp tôn do gia đình bị đơn làm và sử dụng; diện tích đất tại ngõ vào nhà ông Nh là 10,8m^2, giới hạn các mốc 15, 16, 24, 23, 15 trên diện tích đất này gia đình ông Gi có quây gạch làm tường xung quanh, trên lợp phibloximăng để sử dụng làm chỗ chăn nuôi. Các bên đương sự đều đồng ý không có ý kiến gì về kết quả thẩm định. Ông Ch cho rằng diện tích đất gia đình ông thiếu 30,6m^2 so với GCNQSDĐ và theo ông Ch, chính tại biên bản làm việc ngày 12/7/2022 của UBND xã TN đã xác định ông Gi đang sử dụng một phần ngõ đi chung nằm trong GCNQSDĐ của ông. Do đó, ông Ch khẳng định ông Gi đã lấn đất của gia đình ông Ch, phần diện tích đất đang còn thiếu (đã hiến làm lối đi Chung) và yêu cầu ông Gi phải tháo dỡ công trình trái phép trên lối đi chung.

Mặc dù trình bày như vậy nhưng ông Ch thừa nhận sau khi nhận chuyển nhượng đất của gia đình ông Gi, ông đã tự nguyện để lại một phần đất làm ngõ đi chung, nhưng diện tích để ra cụ thể bao nhiêu mét, chiều cạnh cụ thể thế nào ông cũng không biết vì không tiến hành đo đạc gì, kể từ đó gia đình ông Ch cùng các hộ gia đình xung quanh vẫn sử dụng ngõ đi chung này.

[5]. Tòa án cấp sơ thẩm làm việc với UBND xã TN về nội dung biên bản làm việc ngày 12/7/2022, UBND xã TN xác định, ông Gi đang sử dụng một phần ngõ đi chung nằm trong GCNQSDĐ của ông Ch, UBND xã kết luận như vậy là trên cơ sở kiểm tra hiện trạng và đối chiếu theo tỷ lệ bản đồ 299 đối với thửa đất của ông Gi (dùng phương pháp đo tỷ lệ bản đồ), tại thời điểm cấp

GCNQSDĐ cho ông Ch, bản đồ 299 chưa thể hiện có ngõ đi chung này, nhưng hiện nay trên bản đồ 299 có thể hiện việc chỉnh lý đối với thửa đất của ông Ch, phần chỉnh lý này thể hiện tại phần ngõ đi chung giữa đất thổ cư nhà ông Gi và đất thổ cư nhà ông Ch, tuy UBND xã TN không có tài liệu gì lưu trữ thể hiện làm căn cứ đính chính.

[6]. Tại công văn số 308/TNMT-HC ngày 23/8/2023 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện YL cho biết: Theo bản đồ 299 đo đạc tháng 05/1992, nghiệm thu ngày 16/5/21992 thể hiện thửa đất 290b, diện tích 176m^2 được chỉnh lý thành thửa 290c, diện tích 145m^2 (do cắt một phần thửa đất); sổ mục kê đất có xác nhận của UBND xã TN ngày 10/11/1998 và xác nhận của Sở Địa chính ngày 21/10/1999 thể hiện: Thửa đất 290c, tên chủ sử dụng Nguyễn Văn Ch, diện tích 145m^2 (loại đất OTC). Sổ địa chính có xác nhận của UBND xã TN ngày 10/11/1998 và xác nhận của Sở địa chính ngày 21/10/1999 thể hiện: Thửa đất 290, diện tích 176m^2. Sổ cấp giấy chứng nhận không có xác nhận của Ủy ban xã, không có ngày tháng năm thể hiện: Thửa đất 290, diện tích 176m^2.

[6.1]. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện YL khẳng định, GCNQSDĐ số 911142 cấp cho ông Nguyễn Văn Ch, thửa 290b, tờ bản đồ số 01, diện tích 176m^2 tại thôn Đông Lỗ, xã TN, huyện YL đã có sự biến động trong quá trình sử dụng. Tuy nhiên việc chỉnh lý các loại hồ sơ chưa được UBND xã TN thực hiện kịp thời, lỗi này thuộc về cán bộ địa chính xã TN (thời điểm cấp giấy chứng nhận).

[7]. Như vậy có thể thấy, mặc dù theo bìa đỏ ông Ch diện tích là 176m^2, tuy nhiên quá trình sử dụng đã có sự biến động, đã cắt một phần thửa đất và bản thân ông Ch trình bày có để một phần làm lối đi chung, do đó diện tích của ông Ch chỉ còn là 145m^2 đất. Điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ mà Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành (tất cả các đương sự không ai có ý kiến thắc mắc đối với kết quả thẩm định), cũng như phù hợp với Bản đồ 299 và sổ mục kê lưu tại UBND xã TN, huyện YL. Ngoài ra theo bản đồ đo vẽ năm 2008 thể hiện phần ngõ đi chung và diện tích ngõ đi này thể hiện (chiều rộng một cạnh là 1,78m, một cạnh là 2,09m; chiều dài một cạnh là 10,38m, một cạnh là 10,07m) tổng diện tích là 19.7m^2, diện tích này hoàn toàn phù hợp với kết quả đo vẽ ngày 29/5/2023.

[7.1]. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ch, buộc ông Gi phải tháo dỡ toàn bộ công trình có trên phần diện tích đất tại vị trí giáp đường liên thôn là 6,9m^2 có các chỉ giới 8, 9, 20, 21, 22, 8 và tại vị trí giáp ranh giữa nhà ông Ch và ông Gi (đường vào nhà ông Nh) là 10,8m^2 có các chỉ giới 15, 16, 24, 23,15 để trả lại lối đi chung là phù hợp. Từ phân tích trên thấy rằng yêu cầu kháng cáo của bà H1 không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm trả lại ông Ch số tiền nộp tạm ứng đã nộp và buộc ông Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là có căn cứ. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Ch không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9]. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí thẩm định, định giá do yêu cầu của ông Ch được chấp nhận một phần, nên cần buộc ông Gi phải trả cho ông Ch toàn bộ số tiền 5.700.000đ chi phí thẩm định và định giá mà ông Ch đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Sửa một phần Bản án số: 31/2023/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc về thanh toán chi phí tố tụng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 175, 176 và 254 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, Điều 157, 158, 164,165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch. Buộc ông Vũ Văn Gi phải tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng trên phần diện tích đất 6,9m² có các chỉ giới 8, 9, 20, 21, 22, 8 và phần diện tích 10,8m^2 có các chỉ giới 15, 16, 24, 23, 15 xác định là diện tích đất là lối đi chung, tại thôn ĐL, xã TN, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, *(có sơ đồ chi tiết kèm theo).*

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại ông Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001589 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YL. Ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại ông Ch số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003057 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YL.

- Ông Vũ Văn Gi phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn Gi phải thanh toán trả ông Vũ Văn Chung số tiền 5.700.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Kể từ ngày ông Vũ Văn Chung có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Văn Gi không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và

9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện YL;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hà **Nguyễn Thị Thu Hiền** **Nguyễn Xuân Trọng**

Nguyên đơn cho rằng thửa đất 82 có nguồn gốc là đất do ông cha để lại cho bà Sung và ông La nên nó được xác định là tài sản chung của bà Sung và ông La tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị chia thừa kế; trong khi đó ông La cho rằng đây là tài sản chung của ông và bà Lê, không phải là di sản của bà Sung để lại nên không đồng ý chia, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Trọng

Đơn trình bày

Kg: ta tỉnh vp

Tên tôi là:.....

Địa chỉ:.....

Là anh, chị, ...của ông Dương Văn La

Xin trình bày quan điểm liên quan nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ 10, diện tích 339m^2 tại khu 7 thôn Phú Thọ, xã Tề Lỗ, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

Về ngồn gốc: Năm 1990, gia đình ông thuộc hộ gia đình đông con, bố ông là cụ Dương Văn Sân là thương binh nên xã Tề Lỗ đã ưu tiên cấp cho bố mẹ ông thửa đất số số 82, tờ bản đồ 10, diện tích 339m^2 tại khu 7 thôn Phú Thọ, xã Tề Lỗ để tách các con ra ở riêng, nhưng vẫn phải nộp lệ phí đất theo quy định. Thửa đất này là cấp cho hộ gia đình ông, bố ông cụ Sân là chủ hộ.

Quá trình sử dụng: Sau khi được cấp đất, cuối năm 1990, do gia đình đông con, ông Lê lấy vợ, chỗ ở chật chội, bố mẹ ông cho ông La và bà Sung ra thửa đất số 82 để tự làm nhà và tách ra ở riêng. Thời điểm đó gia đình vẫn còn rất khó khăn, đông con nên tạm thời bố mẹ ông chỉ cho vợ chồng ông La ra ở đó, chưa tuyên bố cho đất vì lúc đó gia đình khó khăn không thể có đủ đất để cho tất các các con mỗi người một chỗ.

Đến khoảng năm 1995 – 1996 kinh tế gia đình bớt khó khăn, các cụ mới tính đến việc cho các con nhà đất. Đối với thửa đất số 82 trước kia đất rất xấu, xung quanh ngập nước, chỗ nông chỗ sâu ông La và bà Lê có rất nhiều công sức tôn tạo, nên khi nhà nước có chủ chương cấp bìa đỏ năm 1995, hai cụ mới đồng ý cho ông La bà Lê sau đó ôg La làm thủ tục cấp bìa đỏ.

Ông khảng định năm 1990, các cụ cho ông La bà Sung ra ở riêng chỉ là cho ra làm nhà để ở riêng, đất các cụ chưa cho ông La bà Sung (khi đó các cụ chưa cho bất kỳ con nào đất)

Đến nay cháu Liê khởi kiện ông La ông đề nghị Toà án giải quyêt theo quy định.

Do sức khoẻ kém bận công việc ông xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ông cam đoan các nội dung trình bày trên là đúng, nếu sai ông xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật